

NỘI DUNG MỘT SỐ CÔNG ƯỚC TRONG KHUÔN KHỔ CỦA HỘI NGHỊ LA HAY VỀ BẢO VỆ TRẺ EM

■ **ThS. BÙI THỊ VÂN ANH ***

Trong những năm qua, công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, được coi là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu để bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của đất nước. Điều này thể hiện trước hết ở việc Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em (CRC) vào ngày 20/02/1990 và gia nhập một số công ước liên quan về quyền trẻ em như: Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em năm 2000; Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị hành vi buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp quốc... Để nội luật luật hóa các cam kết quốc tế, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chú trọng việc kiện toàn hệ thống pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhiều văn bản chính sách được ban hành như Hiến pháp năm 2013; Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai



Đại diện Việt Nam chúc mừng Tiến sỹ Christophe Benasconi được đề cử tái bổ nhiệm vị trí Tổng thư ký tại Phiên họp Hội đồng các vấn đề chung và chính sách (CGAP) của HCCH năm 2023 tổ chức tại La Hay, Hà Lan, tháng 3/2023

đoạn 2021 - 2030; Luật Trẻ em năm 2016; Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014...

Tuy nhiên, trước bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam phát sinh nhu cầu bảo vệ trẻ em xuyên biên giới trong các vụ việc hôn nhân và gia đình ngày càng tăng. Để giải quyết thực tế này đòi hỏi các nước phải tăng cường hợp tác để bảo vệ tốt nhất mọi quyền lợi của trẻ em. Việc bảo vệ trẻ em không chỉ ở góc độ hình sự và xử lý nghiêm hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của

* *Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp*

trẻ em mà còn trong lĩnh vực dân sự như xây dựng cơ chế bảo đảm quyền nuôi dưỡng, quyền chăm sóc, quy định trách nhiệm của cha, mẹ và các quyền dân sự khác của trẻ. Với mục đích thiết lập kênh hợp tác giữa các quốc gia trong việc bảo vệ trẻ em ở khía cạnh dân sự nêu trên, nhiều điều ước quốc tế về trẻ em đã được xây dựng và khuyến khích các quốc gia gia nhập nhằm tạo cơ sở pháp lý quốc tế hỗ trợ tốt nhất cho cha, mẹ trẻ và chính bản thân trẻ trong các vụ việc có yếu tố nước ngoài. Trong đó, việc tham gia các công ước về bảo vệ trẻ em trong khuôn khổ của Hội nghị La Hay (HCCH) được các quốc gia thành viên dành sự quan tâm rất lớn như: Công ước La Hay năm 1996 về thẩm quyền, pháp luật áp dụng, công nhận, thi hành và hợp tác liên quan đến trách nhiệm của cha mẹ và các biện pháp bảo vệ trẻ em (Công ước 1996)¹; Công ước La Hay năm 1980 về các khía cạnh dân sự của hành vi bắt cóc trẻ em quốc tế (Công ước 1980)². Đây là những công ước tạo ra công cụ pháp lý hữu hiệu nhất để các quốc gia hợp tác trong việc bảo vệ trẻ em.

Tại Việt Nam hiện nay, đã có nhiều vụ việc bảo vệ trẻ em có yếu tố nước ngoài phát sinh nhưng cơ sở pháp lý trong nước chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện, cơ sở điều ước quốc tế chưa có nên dẫn đến việc bảo vệ trẻ em trong các vụ việc này còn hạn chế. Do đó, để tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia trong vấn đề bảo vệ trẻ em, bảo đảm cho trẻ được phát triển toàn diện, việc nghiên cứu gia nhập các công ước về bảo vệ trẻ em trong khuôn khổ của HCCH là cần thiết. Sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của HCCH (năm 2013), với tư cách là cơ quan quốc gia của Việt Nam trong quan hệ với Ban thư ký HCCH và các quốc gia thành viên, Bộ Tư pháp đã có những nghiên cứu bước đầu về một số công ước của Hội nghị này. Trong khuôn

khô bài viết, tác giả giới thiệu sơ lược về hai công ước nêu trên, lợi ích và đề xuất một số khuyến nghị trường hợp Việt Nam gia nhập hai công ước này.

1. Công ước La Hay năm 1980 về các khía cạnh dân sự của hành vi bắt cóc trẻ em quốc tế

Trong gia đình, về nguyên tắc, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trong việc nuôi dưỡng con. Trường hợp có tranh chấp, cơ quan có thẩm quyền ở các quốc gia khi giải quyết vấn đề về quyền nuôi dưỡng đều thường phải lựa chọn phương án phân chia quyền nuôi dưỡng và thăm nom trẻ để bảo đảm tốt nhất quyền lợi của trẻ, bảo đảm cho trẻ được sống ở môi trường thân quen, thuận lợi nhất cho quá trình phát triển. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp, cha/mẹ hoặc người thân thích của trẻ lại không chấp hành đúng quy định pháp luật và quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về quyền nuôi dưỡng, thăm nom trẻ mà lại đưa trẻ đi trái phép hoặc ngăn cản quyền hợp pháp của người cha/mẹ hoặc người thân thích được nuôi dưỡng, thăm nom trẻ. Hành vi đưa trẻ em đi khỏi môi trường thân quen hoặc giữ trẻ lại trái với quyết định của các cơ quan có thẩm quyền, trái quy định pháp luật, một mặt, xâm phạm tới quyền nuôi dưỡng, thăm nom hợp pháp của cha/mẹ trẻ; mặt khác, nghiêm trọng hơn là sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của trẻ. Trên thực tế, nhiều nước coi hành vi mà cha/mẹ hoặc người thân mang trẻ đi trái phép khỏi nơi trẻ đang thường trú là bắt cóc trẻ em và bị xử lý trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt của hành vi này (đối tượng là trẻ em, chủ thể thực hiện thường là cha, mẹ, người thân thích của trẻ) trong quan hệ quốc tế nên các nước thường ưu tiên hợp tác giải quyết các vụ việc này dưới góc độ dân sự. Công ước 1980 là văn bản pháp lý quốc tế quan trọng quy định về các biện

pháp mang tính chất dân sự trong hợp tác giữa các quốc gia nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ khi bị chính các hành vi của cha/mẹ hoặc người thân đưa đi khỏi môi trường quen thuộc hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

1.1. Mục tiêu của Công ước 1980

Mục tiêu của Công ước 1980 nhằm bảo vệ trẻ em khỏi những ảnh hưởng xấu từ hành vi bắt cóc và giữ trẻ trái phép; thông qua thủ tục hợp tác giữa các quốc gia thành viên bảo đảm an toàn cho trẻ trong mọi trường hợp đối với những hành vi mang trẻ đi hoặc giữ trẻ lại trái phép mà không vì lợi ích của trẻ; bảo đảm nhanh chóng trả lại trẻ đã bị mang đi hoặc giữ lại trái phép ở bất kỳ quốc gia nào. Đồng thời, Công ước 1980 cũng bảo đảm rằng các quyền nuôi dưỡng và quyền thăm nom theo pháp luật của một quốc gia ký kết được tôn trọng và được bảo vệ tại các quốc gia ký kết khác.

1.2. Cơ cấu và các nội dung chính của Công ước 1980

Công ước 1980 gồm lời nói đầu, 06 chương với 45 điều quy định về các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, Công ước 1980 xác định rõ các khái niệm liên quan đến “quyền nuôi dưỡng” và “quyền thăm nom”. Theo đó, “quyền nuôi dưỡng” bao gồm các quyền liên quan đến việc chăm sóc trẻ, đặc biệt là quyền quyết định nơi cư trú của trẻ. “Quyền thăm nom” bao gồm quyền đưa trẻ tới một nơi khác nơi thường trú của trẻ trong khoảng thời gian xác định.

Thứ hai, về độ tuổi của trẻ, Công ước 1980 áp dụng đối với bất kỳ trẻ em nào thường trú tại quốc gia ký kết có độ tuổi từ 16 tuổi trở xuống bị xâm phạm quyền nuôi dưỡng hoặc quyền thăm nom.

Thứ ba, về nơi thường trú cuối cùng của trẻ, Công ước 1980 không có định nghĩa hiệu như thế

nào là nơi thường trú mà để ngỏ cho các quốc gia tự giải thích khái niệm nơi thường trú theo quy định của pháp luật trong nước. Như vậy, khái niệm nơi thường trú của trẻ sẽ phụ thuộc vào quy định của mỗi quốc gia và trong quá trình thực thi Công ước 1980, các quốc gia thành viên cũng cần lưu tâm về nội dung này.

Thứ tư, Công ước 1980 xác định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc trao trả trẻ bị mang đi hoặc giữ lại trái phép và bảo đảm quyền thăm nom. Theo đó, Công ước 1980 quy định trong phạm vi lãnh thổ của mình, các quốc gia phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của Công ước. Công ước 1980 quy định, các quốc gia ký kết phải sử dụng các thủ tục hiện có một cách nhanh chóng, hiệu quả nhất để bảo đảm quyền nuôi dưỡng và quyền thăm nom đối với trẻ. Yêu cầu này đòi hỏi các quốc gia thành viên thực hiện các thủ tục trao trả trẻ nhanh chóng có thể thực hiện thông qua việc tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin về đơn yêu cầu cũng như sử dụng các biện pháp thực thi Công ước 1980 một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Thứ năm, về Cơ quan trung ương, các quốc gia thành viên phải chỉ định một Cơ quan trung ương thực hiện các nghĩa vụ do Công ước 1980 quy định. Công ước 1980 quy định, Cơ quan trung ương của quốc gia thành viên cần phải áp dụng các biện pháp thích hợp để bảo đảm nhanh chóng trả lại trẻ và bảo đảm đạt được các mục tiêu khác của Công ước, cụ thể như: Để tìm kiếm nơi ở của trẻ bị mang đi hoặc giữ lại trái phép; ngăn chặn tổn hại khác có thể xảy ra với trẻ; bảo đảm việc tự nguyện trả lại trẻ trong hòa bình; cung cấp thông tin về pháp luật của quốc gia có liên quan đến việc áp dụng Công ước.

Thứ sáu, về thủ tục trả lại trẻ em, Công ước

1980 quy định về quyền yêu cầu, cơ quan tiếp nhận yêu cầu, trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu.

Công ước 1980 quy định cụ thể về nội dung yêu cầu (Điều 8), quy trình thủ tục nộp và giải quyết yêu cầu trả lại trẻ. Công ước 1980 quy định, trong vòng 06 tuần, cơ quan tư pháp hoặc hành chính có liên quan phải ra quyết định liên quan đến việc trao trả lại trẻ. Trong trường hợp các cơ quan này không ra quyết định nào thì người nộp đơn hoặc Cơ quan trung ương của quốc gia được yêu cầu tự mình quyết định hoặc theo yêu cầu của Cơ quan trung ương của quốc gia yêu cầu có quyền giải thích về lý do của sự chậm trễ. Nếu Cơ quan trung ương của quốc gia được yêu cầu nhận được phản hồi, tùy từng trường hợp cơ quan đó phải gửi phản hồi đó tới Cơ quan trung ương của quốc gia yêu cầu hoặc người nộp đơn (Điều 11).

Trong thời hạn ít hơn 01 năm, kể từ ngày trẻ bị mang đi hoặc giữ lại trái phép, cơ quan hành chính hoặc tư pháp của quốc gia ký kết nơi trẻ bị chuyển đến phải ra quyết định trao trả trẻ ngay lập tức, quy định này có nghĩa là, nếu việc giải quyết yêu cầu được thực hiện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày trẻ bị giữ hoặc đưa đi trái phép thì yêu cầu trao trả trẻ luôn được chấp nhận với điều kiện không rơi vào trường hợp quy định tại Điều 13. Bên cạnh đó, nhằm tránh sự xung đột về thẩm quyền và nội dung (Điều 19), Công ước 1980 nhấn mạnh, quyết định trao trả lại trẻ hay bất kỳ quyết định nào được ban hành theo quy định của Công ước không được coi là sự xác định về nội dung đối với quyền nuôi dưỡng.

Thứ bảy, về thẩm quyền của cơ quan hành chính hoặc tư pháp của nước được yêu cầu trong quá trình giải quyết yêu cầu trao trả lại trẻ, Công ước 1980 quy định rõ phạm vi, thẩm quyền mà cơ quan hành

chính hoặc cơ quan tư pháp của nước được yêu cầu có thể thực hiện.

Thứ tám, về căn cứ từ chối yêu cầu trao trả trẻ, Công ước 1980 cho phép cơ quan tư pháp hoặc hành chính của quốc gia được yêu cầu có thể từ chối yêu cầu trao trả trẻ khi: (i) Cá nhân, cơ quan hoặc các tổ chức có trách nhiệm chăm sóc trẻ đã không thực hiện quyền nuôi dưỡng tại thời điểm trẻ bị giữ hoặc đưa đi trái phép hoặc đã đồng ý hoặc sau đó đã chấp thuận việc giữ hoặc mang trẻ đi; (ii) Việc trả lại trẻ không tốt đối với thể chất hoặc tâm lý trẻ; (iii) Trẻ đã đạt độ tuổi trưởng thành và không đồng ý với việc trả lại; (iv) Vi phạm các nguyên tắc cơ bản của quốc gia được yêu cầu về bảo vệ quyền con người và quyền tự do.

Thứ chín, về bảo đảm quyền thăm nom, Công ước 1980 cũng quy định quyền thăm nom được bảo đảm trên cơ sở có đơn yêu cầu dàn xếp việc tổ chức hoặc bảo đảm thực thi hiệu quả quyền thăm nom. Đơn yêu cầu phải được nộp cho Cơ quan trung ương của các quốc gia ký kết theo cùng một cách thức như nộp đơn yêu cầu trả lại trẻ. Trên cơ sở đơn yêu cầu, Cơ quan trung ương có nghĩa vụ hợp tác để thúc đẩy việc hưởng quyền thăm nom một cách hòa bình, đáp ứng đầy đủ các điều kiện khi thực thi quyền này và phải loại bỏ các trở ngại liên quan. Việc bảo đảm thực thi quyền thăm nom có thể được thực hiện trực tiếp bởi Cơ quan trung ương hoặc cơ quan trung gian.

Thứ mười, về nghĩa vụ tài chính, Điều 26 Công ước 1980 quy định, mỗi Cơ quan trung ương sẽ phải chịu chi phí của mình theo quy định của Công ước. Công ước 1980 yêu cầu các Cơ quan trung ương và dịch vụ công khác của các quốc gia ký kết không được áp đặt bất kỳ khoản phí đối nào với các đơn được nộp theo Công ước này. Điều đó có nghĩa

là, các cơ quan đó không được yêu cầu bất kỳ khoản tiền nào từ người nộp đơn đối với các chi phí và các phí tổn với các thủ tục hoặc chi phí hoặc phí tổn phát sinh từ sự tham gia của luật sư hoặc tư vấn viên pháp lý (nếu có). Tuy nhiên, họ có thể yêu cầu thanh toán phí tổn phát sinh hoặc sẽ phát sinh trong việc thực hiện trả lại trẻ. Mặc dù vậy, Công ước 1980 cũng cho phép quốc gia tham gia Công ước có quyền đưa ra tuyên bố bảo lưu liên quan đến vấn đề chi phí rằng quốc gia đó không bị ràng buộc phải chịu bất kỳ chi phí phát sinh nào từ sự tham gia của luật sư, tư vấn viên hoặc thủ tục tố tụng tại Tòa án ngoại trừ trường hợp các chi phí đó có thể được hệ thống trợ giúp pháp lý và tư vấn của quốc gia đó chi trả.

Khi quyết định trả lại trẻ hoặc ban hành quyết định liên quan đến quyền thăm nom theo Công ước này, các cơ quan tư pháp hoặc hành chính có thể, nếu phù hợp, buộc người đã mang đi hoặc giữ lại trẻ, hoặc người ngăn cản việc thực hiện quyền thăm nom, thanh toán phí tổn cần thiết phát sinh do hoặc theo ủy quyền của người yêu cầu, bao gồm phí tổn đi lại, bất kỳ chi phí phát sinh nào hoặc các khoản tiền phải trả cho việc xác định nơi ở của trẻ, các chi phí cho đại diện pháp lý của người nộp đơn và các chi phí trả lại trẻ.

Ngoài ra, Tòa án có thể yêu cầu bị đơn trả một số chi phí liên quan như chi phí pháp lý, chi phí tòa án, chi phí đi lại, trừ khi bị đơn chứng minh được rằng các chi phí này là không hợp lý. Các quốc gia áp dụng quy định này gồm: Hoa Kỳ, Pháp, Ôt-xtrây-li-a, Cộng hòa Áo, Niu-di-lân, Nam Mỹ, Xri-lan-ka, Thổ Nhĩ Kỳ³.

Thứ mười một, về ngôn ngữ và hợp pháp hóa giấy tờ, Công ước 1980 không đặt ra yêu cầu về hợp pháp hóa giấy tờ hoặc hình thức tương tự; ngôn ngữ hồ sơ yêu cầu quốc gia thành viên được lựa

chọn ngôn ngữ là tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc cả hai thứ tiếng khi tuyên bố gia nhập.

2. Công ước La Hay năm 1996 về thẩm quyền, pháp luật áp dụng, công nhận, thi hành và hợp tác liên quan đến trách nhiệm của cha mẹ và các biện pháp bảo vệ trẻ em

2.1. Mục tiêu của Công ước 1996

Mục tiêu chính của Công ước 1996 xác định cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên có biện pháp bảo vệ quyền nhân thân và tài sản của trẻ em; xác định pháp luật áp dụng đối với trách nhiệm của cha/mẹ trẻ em; điều chỉnh việc công nhận, cho thi hành biện pháp bảo vệ trẻ em ở các quốc gia thành viên; bảo đảm các quyền giám hộ, tiếp cận trẻ em theo pháp luật của một quốc gia thành viên được tôn trọng ở một quốc gia khác; đưa ra các biện pháp hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên.

1.2. Cơ cấu và nội dung của Công ước 1996

Công ước 1996 gồm lời nói đầu, 07 chương với 63 điều quy định về các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, Công ước 1996 đã xác định rõ khái niệm “trách nhiệm của cha mẹ” (khoản 2 Điều 1). Điều này được hiểu là “bao gồm quyền của cha mẹ, hoặc quan hệ tương tự xác lập các quyền, quyền hạn và trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp liên quan đến bản thân hoặc tài sản của trẻ em”. Quyền và trách nhiệm này thuộc về cha mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp trong việc nuôi dưỡng và phát triển trẻ, có thể bao gồm quyền nuôi dưỡng, giáo dục, quyết định về chăm sóc sức khỏe, quyết định về nơi ở của trẻ hoặc giám sát đối với bản thân trẻ và các quan hệ của trẻ.

Thứ hai, khái niệm “các biện pháp bảo vệ trẻ em”, Công ước 1996 không đưa ra định nghĩa về

các biện pháp bảo vệ trẻ em mà thay vào đó là quy định các biện pháp bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ sẽ được Công ước điều chỉnh.

Các biện pháp bảo vệ này có thể liên quan đến các lĩnh vực được quy định tại Điều 3 (danh sách không hạn chế)⁴ và Điều 4 quy định danh sách một số lĩnh vực mà các biện pháp ban hành ra không được coi là biện pháp bảo vệ trẻ em hoặc vẫn là biện pháp bảo vệ trẻ em nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước 1996. Do khó có thể định nghĩa hay liệt kê đầy đủ các biện pháp bảo vệ trẻ em nên Công ước 1996 đã có các giới hạn về vấn đề mà các biện pháp bảo vệ trẻ em hướng tới. Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc đánh giá các biện pháp nào thuộc phạm vi của Công ước 1996 cần phải xem xét trong từng trường hợp cụ thể. Mặt khác, để các biện pháp này được công nhận và thi hành thì phải được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên (Điều 23 khoản 2 Công ước 1996) nên có thể thêm một yếu tố là các biện pháp bảo vệ trẻ em phải do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Mặc dù vậy, Công ước 1996 có quy định về xác định pháp luật áp dụng đối với việc xác định hoặc chấm dứt trách nhiệm của cha mẹ kể cả khi không có sự can thiệp của cơ quan có thẩm quyền (không có biện pháp bảo vệ trẻ em được ban hành bởi Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác).

Thứ ba, Công ước 1996 áp dụng đối với trẻ em dưới 18 tuổi.

Thứ tư, các biện pháp bảo vệ thuộc phạm vi Công ước 1996 bao gồm:

- Việc hình thành, thực thi, chấm dứt hoặc hạn chế quyền của cha mẹ cũng như việc ủy quyền thực hiện các quyền này;

- Các quyền nuôi dưỡng và thăm nom;

- Giám hộ và trợ tá;

- Chỉ định và chức năng của bất kỳ người hoặc cơ quan nào chịu trách nhiệm về bản thân hoặc tài sản của trẻ;

- Việc giao trẻ cho gia đình chăm sóc thay thế hoặc cơ sở nuôi dưỡng; việc giám sát của cơ quan công quyền với việc chăm sóc trẻ của bất kỳ người nào có trách nhiệm với trẻ;

- Việc quản lý, bảo quản hoặc từ bỏ tài sản của trẻ.

Công ước 1996 không áp dụng đối với việc:

(i) Thiết lập hoặc phân đôi quan hệ cha, mẹ, con; (ii) Quyết định về nuôi con nuôi; (iii) Tên của trẻ; (iv) Việc trưởng thành; (v) Nghĩa vụ cấp dưỡng; (vi) Tín thác hoặc thừa kế; (vii) An sinh xã hội; (viii) Các biện pháp công cộng về giáo dục hoặc sức khỏe; (ix) Các tội phạm hình sự do trẻ thực hiện; (x) Quyết định về quyền tị nạn và về nhập cư.

Thứ năm, Công ước 1996 quy định thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan tư pháp hoặc hành chính của các quốc gia ký kết trong việc bảo vệ trẻ em. Quy tắc chung xác định thẩm quyền là quốc gia nơi trẻ thường trú, với một số ngoại lệ, thẩm quyền thuộc về:

- Quốc gia nơi trẻ hiện diện (trẻ em không xác định được nơi thường trú, trẻ tị nạn, trường hợp khẩn cấp, trường hợp cần ban hành biện pháp tạm thời).

- Quốc gia nơi giải quyết vụ việc ly hôn, ly thân, hủy hôn nhân trái pháp luật của cha mẹ trẻ (nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định).

- Quốc gia khác vì lợi ích tốt nhất của trẻ (quốc gia nơi trẻ có quốc tịch, nơi trẻ có tài sản, nơi trẻ có liên hệ đáng kể...).

Công ước 1996 còn quy định việc duy trì và thay đổi thẩm quyền khi thay đổi nơi thường trú của trẻ, hoặc khi trẻ bị đưa đi hoặc giữ lại trái phép,

giải quyết trường hợp xung đột thẩm quyền khi có nhiều cơ quan tại các quốc gia khác nhau cùng có thẩm quyền xem xét ban hành các biện pháp bảo vệ trẻ em.

Thứ sáu, Công ước 1996 quy định về pháp luật áp dụng trong việc bảo vệ trẻ em; thực hiện trách nhiệm của cha mẹ trong việc bảo vệ trẻ em. Quy tắc chung là các quốc gia có thẩm quyền sẽ áp dụng pháp luật nước mình. Công ước 1996 quy định một số trường hợp xác định pháp luật áp dụng đối với việc xác lập, chấm dứt và thực thi trách nhiệm của cha mẹ theo pháp luật nơi thường trú của trẻ và trường hợp từ chối pháp luật áp dụng do vi phạm trật tự công dân nhắc đến lợi ích tốt nhất của trẻ.

Thứ bảy, Công ước 1996 quy định về việc công nhận và thi hành các biện pháp bảo vệ trẻ em; các trường hợp từ chối công nhận, từ chối thi hành; áp dụng thủ tục đơn giản, nhanh chóng đối với việc công nhận và thi hành. Công ước 1996 còn quy định việc công nhận là tự động, không cần qua thủ tục tại Tòa án nhưng việc công nhận cũng có thể bị từ chối trong một số trường hợp sau:

- Biện pháp bảo vệ trẻ em được ban hành không đúng thẩm quyền quy định trong Công ước 1996;
- Không có ý kiến của trẻ (trừ trường hợp ban hành biện pháp khẩn cấp);
- Không có ý kiến của người cho rằng trách nhiệm làm cha mẹ của mình bị xâm phạm;
- Việc công nhận rõ ràng trái với trật tự công dân, nhắc đến lợi ích của trẻ;
- Biện pháp được ban hành trái với biện pháp sau đó được ban hành tại quốc gia không phải thành viên Công ước 1996 nơi trẻ thường trú mà biện pháp đó có khả năng được công nhận;
- Không thực hiện thủ tục tại Điều 33 Công ước 1996 về việc tham vấn khi trao trẻ cho một gia đình

chăm sóc thay thế hoặc cơ sở nuôi dưỡng ở quốc gia khác.

Điều này không hạn chế người có liên quan yêu cầu Tòa án của quốc gia thành viên công nhận hay không công nhận biện pháp bảo vệ trẻ em đã được ban hành tại quốc gia thành viên khác.

Việc thi hành thông qua thủ tục tuyên bố khả năng thi hành hoặc đăng ký thi hành thực hiện theo pháp luật của quốc gia thi hành. Các thủ tục này phải được thực hiện một cách nhanh chóng và đơn giản. Biện pháp bảo vệ trẻ em của nước ngoài cũng chỉ có thể bị từ chối trong các trường hợp giống như trường hợp từ chối công nhận.

Thứ tám, Công ước 1996 quy định việc chỉ định Cơ quan trung ương, tham vấn, hỗ trợ giữa các Cơ quan trung ương và cơ quan có thẩm quyền.

Thứ chín, quy định về chứng nhận việc trao quyền, bảo mật thông tin, miễn hợp pháp hóa lãnh sự, chỉ định các cơ quan có thẩm quyền khác, các quy tắc dẫn chiếu, mối quan hệ với các điều ước quốc tế khác, ngôn ngữ trao đổi, bảo lưu, rà soát thực thi. Trong số các quy định này, đáng chú ý là quy định tại Điều 40 Công ước 1996, theo đó, cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên nơi trẻ thường trú, hoặc quốc gia thành viên nơi ban hành các biện pháp bảo vệ trẻ em có thể cấp giấy chứng nhận cho người có quyền là cha mẹ hoặc được trao quyền bảo vệ bản thân hoặc tài sản của trẻ để chứng minh người đó có các quyền nêu trên.

Nhìn chung, Công ước 1980 và Công ước 1996 có mối liên hệ với nhau, Công ước 1996 không sửa đổi hay thay thế cơ chế được thiết lập bởi Công ước 1980 để giải quyết các trường hợp đưa trẻ đi trái phép. Thay vào đó, Công ước 1996 bổ sung và bao trùm Công ước 1980 ở một số khía cạnh dân sự trong công tác bảo vệ trẻ em⁵, cụ thể:

Công ước 1996 bổ sung và củng cố Công ước 1980 bằng cách nhấn mạnh và làm rõ vai trò của các cơ quan tại nơi mà trẻ thường trú với việc quyết định bất kỳ biện pháp nào cần thiết để bảo vệ trẻ em. Bên cạnh đó, trong các thủ tục về hợp tác, quy định tại Công ước 1996 cũng có thể sử dụng để hỗ trợ trong các yêu cầu hợp tác trong Công ước 1980. Theo Công ước 1980, Cơ quan trung ương phải cung cấp “thông tin có tính chất chung về luật pháp của quốc gia mình liên quan đến việc áp dụng Công ước”, trong khi theo Công ước 1996, Cơ quan trung ương “phải thực hiện các bước thích hợp để cung cấp thông tin về pháp luật và dịch vụ ở quốc gia mình liên quan đến việc bảo vệ trẻ em”. Điều này sẽ cho phép Cơ quan trung ương khác hoặc cha mẹ có được nhiều thông tin hơn về luật pháp của quốc gia ký kết mà trẻ đã bị chuyển đến một cách trái phép.

3. Đánh giá

Qua những nội dung cơ bản của Công ước 1980 và Công ước 1996, có thể thấy, các quy định của công ước tạo cơ chế hợp tác giữa các quốc gia trong việc bảo vệ trẻ em được tối đa nhất ở khía cạnh dân sự. Do đó, trước thực tế hiện nay, Việt Nam đã phát sinh nhiều vụ việc liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con cái, các biện pháp bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ,... nhưng pháp luật trong nước còn nhiều khoảng trống nên việc tham gia hai công ước sẽ mang lại những tác động tích cực cụ thể như sau:

Thứ nhất, với việc gia nhập hai công ước trên, Việt Nam sẽ có cơ sở pháp lý quốc tế để yêu cầu/ thực hiện yêu cầu trao trả lại trẻ bị đưa đi hoặc giữ lại trái phép và bảo đảm quyền thăm nom trẻ của cha/mẹ trẻ; các biện pháp bảo vệ bản thân và tài sản của trẻ em, xác định thẩm quyền và áp dụng

pháp luật,... ở quốc gia thành viên công ước, góp phần bảo đảm quyền, lợi ích của trẻ một cách nhanh chóng, an toàn, không gây ảnh hưởng đến tâm, sinh lý cũng như sự phát triển bình thường của trẻ. Qua đó, góp phần ổn định các mối quan hệ xã hội, bảo vệ quan hệ hôn nhân và gia đình nói chung và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng trong thời kỳ hội nhập, đồng thời bảo vệ được quyền, lợi ích của cha/mẹ và trẻ em Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ hai, tham gia hai công ước trên sẽ góp phần nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ trẻ em ở khía cạnh dân sự.

Thứ ba, việc tham gia hai công ước này của Việt Nam góp phần bảo đảm quyền con người nói chung và quyền trẻ em nói riêng đã được ghi nhận và nhấn mạnh trong Hiến pháp năm 2013. Việc tham gia hai công ước sẽ góp phần củng cố và thể hiện mạnh mẽ cam kết của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế có nội dung về quyền trẻ em mà Việt Nam đã tham gia như Công ước CRC⁶, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.

Thứ tư, việc tham gia hai công ước này của Việt Nam thể hiện vai trò chủ động, tích cực của Việt Nam với tư cách là thành viên HCCH, đồng thời góp phần nâng tầm vị thế Việt Nam trên trường quốc tế nói chung và trong diễn đàn Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế nói riêng.

Tuy nhiên, để gia nhập và thực thi hai công ước một cách hiệu quả thì Việt Nam cần xác định được một số vấn đề cần giải quyết như:

Một là, theo quy định của hai công ước cũng như thực tiễn các nước đã cho thấy, để có thể thực thi hai công ước hiệu quả đòi hỏi không chỉ các cơ quan nhà nước mà cả các tổ chức, cá nhân có liên quan phải có nhận thức thống nhất và đầy đủ về

các quyền và nghĩa vụ theo quy định của hai công ước. Trong khi đó, từ góc độ pháp lý cũng như quan điểm xã hội, việc giải quyết hậu quả hành vi của cha/mẹ hoặc người thân giữ, đưa trẻ đi trái phép là vấn đề hoàn toàn mới đối với Việt Nam. Thực tiễn các cá nhân, tổ chức và các phương tiện thông tin truyền thông thường nhắc tới hành vi giữ hoặc đưa trẻ em đi trái phép ở khía cạnh hình sự. Việc cha, mẹ mang chính con mình đi ra nước ngoài hoặc mang từ nước ngoài về Việt Nam nhằm mục đích nuôi dưỡng không được người dân, cơ quan, tổ chức của Việt Nam coi là hành vi bất hợp pháp và chưa nhận thức được hành vi đó thuộc phạm vi điều chỉnh của hai công ước trên. Do vậy, để giải quyết khó khăn này, Việt Nam cần có khoảng thời gian hợp lý để tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức trước, trong và sau khi Việt Nam quyết định gia nhập hai công ước.

Hai là, hiện nay, hệ thống các quy định pháp luật trong nước có liên quan đến nội dung của hai công ước còn có nhiều khoảng trống hoặc chưa tương thích. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định

về trình tự, thủ tục yêu cầu và giải quyết yêu cầu trao trả lại trẻ trong trường hợp trẻ bị mang đi hoặc giữ lại trái phép thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước 1980; nhiều khái niệm trong Công ước 1996 chưa có trong pháp luật Việt Nam hoặc đã có nhưng nội hàm còn khác biệt như “trách nhiệm cha mẹ”, “biện pháp bảo vệ trẻ em”, “biện pháp tương ứng”, “nơi thường trú”,... Do vậy, để gia nhập hai công ước, Việt Nam cần nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện pháp luật trong nước với thời gian và lộ trình cụ thể.

Ba là, việc tổ chức thực thi hai công ước đòi hỏi một cơ chế liên ngành với sự tham gia của nhiều cơ quan các nhau như: Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an... đồng thời đòi hỏi một đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn và kỹ năng đặc thù thì mới có thể thực thi hai công ước có hiệu quả. Trong khi đó, hầu hết các bộ, ngành liên quan đều chưa được trang bị kỹ năng, kiến thức chuyên môn về nội dung của hai công ước cũng như chưa chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc thực thi hai công ước □

1. Công ước ký ngày 19/10/1996, có hiệu lực ngày 01/01/2002, hiện đã có 54 quốc gia thành viên.

2. Công ước 1980 hiện đã có 103 quốc gia thành viên trong đó có nhiều quốc gia mà Việt Nam có số lượng lớn các vụ việc về hôn nhân, gia đình có yếu tố nước ngoài như: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia... Các nước thành viên đều đánh giá Công ước 1980 là một cơ chế hiệu quả để giải quyết nhanh chóng các vụ việc trẻ em bị giữ hoặc mang đi trái phép.

3. Tài liệu của HCCH hướng dẫn thực hiện tốt Công ước: Phần II - Các biện pháp thực thi, tr. 42.

4. Tài liệu của HCCH hướng dẫn thực thi Công ước, tr. 27.

5. Tài liệu của HCCH hướng dẫn thực hiện tốt Công ước, tr. 139.

6. Xem: Giới thiệu Công ước tại website <http://www.hcch.net/upload/outline28e.pdf>: Ủy ban Liên Hợp quốc về quyền của trẻ em đã đưa ra khuyến nghị đối với các quốc gia thành viên Công ước CRC nên tham gia Công ước 1980 đồng nghĩa với việc quy định tại Điều 11 Công ước CRC được bảo đảm thực thi trên thực tế. Công ước 1980 đã góp phần giải quyết hàng ngàn vụ việc bắt cóc trẻ em. Hiện tại, Công ước 1980 đã có sự tham gia của 103 quốc gia thành viên và đây là một trong những công ước thành công nhất, là công cụ pháp lý hỗ trợ hữu hiệu cho gia đình.